|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH** |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập**–**Tự do**–**Hạnh phúc**  ––––––––––––––  *Hà Nội, ngày tháng năm 2020* |
| ––––– |  |
| Số: /2020/TT-BTC |  |
|  |  |

**THÔNG TƯ**

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động viễn thông đối với đài vô tuyến điện thuộc công trình viễn thông ~~và lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu thiết bị phát, thu – phát sóng vô tuyến điện~~****~~[[1]](#footnote-1)~~**

––––––

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động viễn thông đối với đài vô tuyến điện thuộc công trình viễn thông ~~và lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu thiết bị phát, thu – phát sóng vô tuyến điện~~*.

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

   1. Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động viễn thông đối với đài vô tuyến điện thuộc công trình viễn thông ~~và lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu thiết bị phát, thu – phát sóng vô tuyến điện~~.

2. Đối tượng áp dụng: Thông tư này áp dụng đối với:

***a)******[[2]](#footnote-2)*** ~~các~~ Tổ chức, doanh nghiệp được cơ quan có thẩm quyền thẩm định điều kiện hoạt động viễn thông đối với đài vô tuyến điện thuộc công trình viễn thông ~~và cấp giấy phép nhập khẩu thiết bị phát, thu – phát sóng vô tuyến điện~~, ~~các~~

***b)*** Cơ quan, ***tổ chức*** ~~quản lý nhà nước và các~~ ***thẩm định điều kiện hoạt động viễn thông đối với đài vô tuyến điện thuộc công trình viễn thông.***

***c) T***ổ chức, cá nhân ***khác*** liên quan đến thu, nộp phí thẩm định điều kiện hoạt động viễn thông đối với đài vô tuyến điện thuộc công trình viễn thông ~~và lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu thiết bị phát, thu – phát sóng vô tuyến điện~~.

**Điều 2. Người nộp phí~~, lệ phí~~**

Các tổ chức, doanh nghiệp được cơ quan có thẩm quyền thẩm định điều kiện hoạt động viễn thông đối với đài vô tuyến điện thuộc công trình viễn thông ~~và cấp giấy phép nhập khẩu thiết bị phát, thu – phát sóng vô tuyến điện~~ là người nộp phí, ~~lệ phí~~ theo quy định tại Thông tư này.

**Điều 3. Tổ chức thu phí~~, lệ phí~~**

Cục Viễn thông ***hoặc tổ chức kiểm định được***~~(trực thuộc~~Bộ Thông tin và Truyền thông~~)~~ ***giao*** thực hiện thẩm định điều kiện hoạt động viễn thông đối với đài vô tuyến điện thuộc công trình viễn thông ~~và cấp giấy phép nhập khẩu thiết bị phát, thu – phát sóng vô tuyến điện~~là tổ chức thu phí~~, lệ phí~~theo quy định tại Thông tư này.

**Điều 4.** **Mức thu phí~~, lệ phí~~**

~~1.~~ Mức thu phí thẩm định điều kiện hoạt động viễn thông đối với đài vô tuyến điện: ~~2.500.000 đồng/lần.~~***1.100.000 đồng/lần thẩm định***

~~2. Mức thu lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu thiết bị phát, thu – phát sóng vô tuyến điện: 200.000 đồng/giấy phép.~~

**Điều 5. Kê khai, nộp phí ~~và lệ phí~~**

   1. Chậm nhất là ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

2.Tổ chức thu phí~~, lệ phí~~ thực hiện kê khai, nộp phí~~, lệ phí~~ theo tháng và quyết toán theo năm theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19 và khoản 2 Điều 26 của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ.

**Điều 6. Quản lý và sử dụng phí~~, lệ phí~~**

~~1. Tổ chức thu lệ phí nộp toàn bộ số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành. Nguồn chi phí trang trải cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.~~

2. Tổ chức thu phí được để lại 90% tổng số tiền phí thu được để quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí. Số tiền phí còn lại (10%), tổ chức thu phí nộp vào ngân sách nhà nước theo chương, mục, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

**Điều 7. Tổ chức thực hiện**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng .. ..năm 2020 và thay thế Thông tư số 184/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động viễn thông đối với đài vô tuyến điện thuộc công trình viễn thông và lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu thiết bị phát, thu – phát sóng vô tuyến điện

2. Các nội dung khác liên quan đến việc kê khai, thu, nộp, quản lý, sử dụng, công khai chế độ thu phí không quy định tại Thông tư này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn thực hiện, Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ và Thông tư số 303/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước.

***3. Trường hợp các văn bản liên quan đề cập tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế***

4. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét, hướng dẫn./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** | **KT. BỘ TRƯỞNG** |
| - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;  - Văn phòng Tổng Bí thư;  - Văn phòng Quốc hội;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;  - Toà án nhân dân tối cao;  - Kiểm toán nhà nước;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;  - UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;  - Sở Tài chính, Cục Thuế, KBNN thành phố Hà Nội;  - Công báo;  - Cổng thông tin điện tử của chính phủ;  - Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);  - Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;  - Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính;  - Lưu: VT, CST (CST5). | **THỨ TRƯỞNG** |
| **Vũ Thị Mai** |

1. 1 Chữ bị gạch ngang: Nội dung bãi bỏ so với Thông tư số 184/2016/TT-BTC [↑](#footnote-ref-1)
2. 2 Chữ đậm nghiêng: Nội dung bổ sung so với Thông tư số 184/2016/TT-BTC [↑](#footnote-ref-2)